

Mã đề thi 322

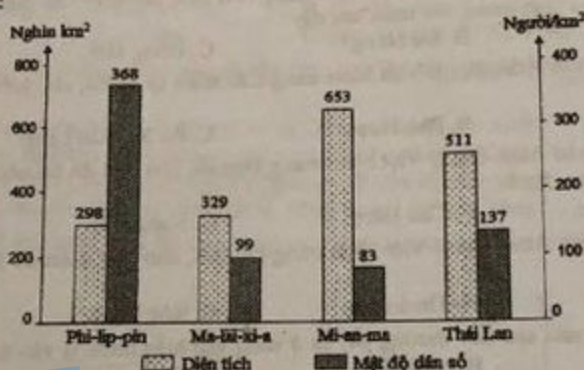
Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Câu 41: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là
A. nước ngầm. B. giống cây. C. thủy lợi.

D. môi trường.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?
A. Điện Biên. B. Cao Bằng. C. Thái Nguyên. D. Lào Cai.

Câu 43: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.
C. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma.

Câu 44: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. than đá. B. sức gió. C. thủy triều. D. thác nước.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum. B. Đắk Nông. C. Lâm Đồng. D. Đắk Lắk.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Thương. B. Sông Hồng. C. Sông Lục Nam. D. Sông Kinh Thầy.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Thái Bình. B. Ninh Bình. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Hữu Nghị. C. Cầu Treo. D. Tây Trang.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Long Xuyên. B. Cà Mau. C. Mỹ Tho. D. Biên Hòa.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Vinh. B. Hạ Long. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 52: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. rất đồng đều. B. tập trung. C. phân tán. D. khắp mọi nơi.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Hải Phòng. B. Vũng Tàu. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Trà Vinh. B. Cao Bằng. C. Kon Tum. D. Hà Tĩnh.

Câu 55: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. ngăn lũ quét. B. hạn chế xói mòn. C. chống ngập úng. D. ngăn hạn mặn.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Sa Pa. B. Đà Nẵng. C. Đồng Hới. D. Nha Trang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

- A. Rào Cò. B. Phu Hoạt. C. Pu Xai Lai Leng. D. Phu Pha Phong.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Thái Nguyên. B. Cao Bằng. C. Nghĩa Lộ. D. Bắc Kạn.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Thiên Cầm. B. Thuận An. C. Khe Sanh. D. Đá Nhảy.

Câu 60: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

- A. Sóng thần. B. Ngập lụt. C. Hạn mặn. D. Bão biển.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.
C. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Sóc Trăng. B. Hậu Giang. C. Vĩnh Long. D. Bình Phước.

Câu 63: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. góp phần vào phát triển nhiệt điện. B. có sản lượng đều nhau ở các năm.
C. phát triển rộng rãi khắp các vùng. D. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.

Câu 64: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các loại gió thổi theo mùa. B. một số loại đất độ phì cao.
C. nhiều vùng núi khác nhau. D. thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 65: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc. B. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
C. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi. D. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.

Câu 66: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.
B. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
C. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.
D. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển.

Câu 67: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.
B. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.
C. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.
D. phân bố tập trung tại các vùng núi.

Câu 68: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.
B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
C. tăng cường quá trình hiện đại hóa.
D. phát triển nhanh kinh tế thị trường.

Câu 69: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.
B. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
C. hình thành các vùng chuyên canh.
D. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.

Câu 70: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.
B. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.
C. hầu hết hoạt động trong công nghiệp.
D. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 71: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.
B. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
C. sử dụng hợp lí thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.
D. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 72: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
C. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
B. sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
C. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.
D. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới.
B. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.
C. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.
D. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.
B. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.
C. có cơ cấu sản xuất hợp lí, chú ý nước ngọt.
D. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Đường, tròn, cột. B. Tròn, đường, miền. C. Cột, đường, miền. D. Miền, cột, tròn.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là

- A. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã. B. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.
C. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học. D. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.

Câu 78: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới. B. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng.
C. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp. D. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng. B. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo nhiều việc làm. D. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thể mạnh.

Câu 80: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.
B. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lý.
C. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.
D. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lý, dải hội tụ nhiệt đới.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

F SCHOOL